

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào **Khoản 4 Điều 397**; Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 642/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Hoàng Minh C, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số H Hoàng Diệu 2, Tổ 53, Khu phố 5, phường Linh Chiêu, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số T Đường 51, Tổ 56, Khu phố 4, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 24/KH2004, Quyển số I, cấp ngày 04/4/2004).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông C bận rộn công việc, thường xuyên tiếp khách nên ít thời gian chăm sóc gia đình, công việc ông C không đủ thu nhập để chăm lo cho gia đình, vì vậy vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống làm cho hai bên không còn tình cảm với nhau. Mặc dù vợ chồng đã tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không thể khắc phục, mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2014, bà H đã đưa các con về Quận 7 sinh sống với ông bà ngoại và vợ chồng không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc nhau, độc lập về kinh tế.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H có 02 (Hai) con chung là trẻ Hoàng Mai A, sinh ngày 12/3/2007 và Hoàng Minh Ph, sinh ngày 15/10/2012.

Ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận sau khi ly hôn: Giao bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông Hoàng Minh C không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của ông C, bà H trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận không trái pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H xác nhận tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H xác định không có nợ chung, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 24/KH2004, Quyền số I do Ủy ban nhân dân phường T, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ cấp ngày 04/4/2004).

1.2. Về con chung: Ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H xác nhận có 02 (Hai) con chung, họ tên là Hoàng Mai A, sinh ngày 12/3/2007 và Hoàng Minh Ph, sinh ngày 15/10/2012.

Ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận sau khi ly hôn: Giao bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, ông Hoàng Minh C không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Ông Hoàng Minh C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H xác nhận tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H xác nhận nợ chung không có.

1.5. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0031608 ngày 04/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Hoàng Minh C và bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thơm);

THẨM PHÁN

Mai Trần Cảnh